

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM



# BÁO CÁO TÓM TẮT NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

DỰ ÁN  
NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN  
DẦU KHÍ BẠC LIÊU



## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>CHƯƠNG 1. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ VÀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ.....</b>       | <b>3</b>  |
| 1.1.1. <i>Năng lực của chủ đầu tư.....</i>                           | 3         |
| 1.1.2. <i>Kết luận về sự cần thiết phải đầu tư.....</i>              | 3         |
| 1.2. <b>CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ .....</b>                                  | <b>3</b>  |
| 1.2.1. <i>Quy mô đầu tư và công suất nhà máy .....</i>               | 3         |
| 1.2.2. <i>Phương án sản phẩm .....</i>                               | 4         |
| <b>CHƯƠNG 2. ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.....</b>                       | <b>6</b>  |
| 2.1. <b>ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.....</b>                | <b>6</b>  |
| 2.1.1. <i>Giới thiệu về địa điểm xây dựng.....</i>                   | 6         |
| 2.1.2. <i>Kết luận.....</i>  | 6         |
| <b>CHƯƠNG 3. CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ - THIẾT KẾ XÂY DỰNG.....</b>       | <b>8</b>  |
| 3.1. <b>CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ.....</b>                                 | <b>8</b>  |
| 3.2. <b>PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ SƠ BỘ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.....</b>        | <b>10</b> |
| 3.3. <b>TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN .....</b>                           | <b>10</b> |
| 3.3.1. <i>Hình thức đầu tư.....</i>                                  | 10        |
| 3.3.2. <i>Phân đoạn thực hiện, tiến độ thực hiện.....</i>            | 10        |
| <b>CHƯƠNG 4. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, HIỆU QUẢ KINH TẾ.....</b>              | <b>12</b> |
| 4.1. <b>TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN.....</b>                               | <b>12</b> |
| 4.1.1. <i>Xác định tổng mức đầu tư.....</i>                          | 12        |
| 4.2. <b>HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN .....</b>                         | <b>12</b> |
| 4.2.1. <i>Cơ sở tính toán .....</i>                                  | 12        |
| 4.2.2. <i>Phân tích hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế - xã hội.....</i> | 14        |
| <b>CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>                          | <b>15</b> |
| 5.1. <b>KẾT LUẬN.....</b>  | <b>15</b> |
| 5.2. <b>KIẾN NGHỊ.....</b>   | <b>15</b> |

## GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN

Theo số liệu tính toán về tình hình tiêu thụ và lượng nhập khẩu phân bón ở trong nước hiện nay cũng như dự báo tương lai của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) cho thấy nhu cầu sử dụng phân bón trong nước ngày một gia tăng; đặc biệt là xu hướng sử dụng những sản phẩm mang tính cải tạo đất, kích thích tăng trưởng cho cây trồng và tốt cho môi trường sống nói chung.

Nắm bắt được nhu cầu trên cũng như căn cứ vào chủ trương của Chính phủ cũng như công ty mẹ - Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau, nhất là dựa vào tình hình thực tiễn tại khu vực nơi có dự án và điều kiện thực tế của chủ đầu tư (có mối quan hệ rộng với nhiều công ty kinh doanh phân bón, cơ sở hạ tầng tốt cho xây dựng nhà máy, nguồn nhân lực dồi dào, giá nhân công rẻ, lợi thế về bao bì đóng gói sản phẩm...), Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chúng tôi quyết định nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy phân bón Urea Đen.

Để triển khai dự án hiệu quả và nhanh chóng, Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam đã triển khai báo cáo lập dự án đầu tư nhà máy, với mục đích đánh giá tính khả thi của dự án, đánh giá khả năng đem lại lợi nhuận cho công ty và các cổ đông, đồng thời giải quyết nhu cầu sử dụng phân bón của nông dân trong nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nước nhà.



## CHƯƠNG 1. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ VÀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

### 1.1.1. Năng lực của chủ đầu tư

#### 1.1.1.1. Giới thiệu về chủ đầu tư

- Chủ đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Lô A1-3 KCN Trà Kha, Phường 8, Tp. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Mã số thuế: 1900437757 Ngày cấp : 11/06/2010
- Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu
- ĐT: 0781 3957 555 Fax: 0781 3957 666
- Website: [www.pbp.vn](http://www.pbp.vn) Email: [sales@pbp.vn](mailto:sales@pbp.vn)
- Chính sách chất lượng của PPC: “Uy tín – Chất lượng – An toàn – Hiệu quả” làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 1.1.2. Kết luận về sự cần thiết phải đầu tư

Qua phân tích, đánh giá về nhu cầu sử dụng phân bón của thị trường và năng lực sản xuất của các đơn vị sản xuất trong nước, cho thấy khả năng sản xuất phân bón của Việt Nam hiện nay đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu thị trường trong nước và đã xuất khẩu một số chủng loại phân bón như Urea, phân lân. Lượng phân bón nhập khẩu vào Việt Nam chủ yếu là các chủng loại phân bón trong nước chưa sản xuất được như phân SA, Kali.

Đối với chủng loại phân bón Urea thì năng lực sản xuất của các đơn vị trong nước hiện nay đã gần như đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, xu thế sử dụng phân bón Urea hiện nay ở nước ta là sử dụng loại phân bón có chứa nhiều thành phần dinh dưỡng Nitơ và các nguyên tố vi lượng thay thế cho phân bón Urea hàm lượng Nitơ thấp đã khẳng định được là đem lại hiệu quả hơn hẳn. Vì vậy, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm phân bón Urea Đen trong giai đoạn tới sẽ tăng dần do các lợi thế của nó.

Vì vậy, xuất phát từ nhu cầu thực tế cộng với những thuận lợi từ chính sách ưu đãi đầu tư của Nhà nước, Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Khí Việt Nam chúng tôi khẳng định việc đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân bón Urea Đen công suất 30.000 tấn/năm” là rất cần thiết, đây là một hướng đầu tư đúng đắn góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, mang lại hiệu quả cao về mặt kinh tế và xã hội, phù hợp với định hướng phát triển ngành công nghiệp phân bón nước ta trong thời gian tới. Đồng thời chúng tôi tin tưởng rằng khi dự án đi vào hoạt động chắc chắn đạt hiệu quả bền vững và duy trì được các chỉ tiêu về kinh tế đã đề ra.

### 1.2. CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

#### 1.2.1. Quy mô đầu tư và công suất nhà máy

Công suất của dây chuyền sản xuất Urea Đen được xem xét lựa chọn dựa trên các cơ sở sau đây:

- Điều kiện tự nhiên, diện tích mặt bằng của khu vực dự kiến xây dựng công trình;

- Khả năng cung cấp nguyên, nhiên liệu cho cả đời dự án;
- Khả năng huy động vốn;
- Nhu cầu sử dụng phân bón trong nước;
- Khả năng cạnh tranh sản phẩm của nhà máy với sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu;

Qua các số liệu phân tích về nhu cầu thị trường tiêu thụ sản phẩm, khả năng cung cấp nguyên liệu và các điều kiện tự nhiên, dự án lựa chọn quy mô và công suất dây chuyền là 30.000 tấn Urea Đen /năm.

## 1.2.2. Phương án sản phẩm

### 1.2.2.1. Phương án sản phẩm chính

| Tên sản phẩm | Thành phần   | Đặc điểm                                   | Công dụng  |
|--------------|--|--|--|
| Urea đen     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nitrogen: 26%-28%.</li> <li>- Humic: 7 - 10 %</li> <li>- Trace elements: Ca, Mg, Fe, Mn, Cu, S</li> </ul> | Hạt tròn đều:<br>Đường kính hạt: 2 - 4 mm. | Tiết kiệm phân bón, tăng năng suất, chất lượng nông sản.<br><br>Rễ phát triển nhanh, mạnh và nhiều hơn.<br><br>Cải tạo đất |

Hình thức và đóng gói:

- Sản phẩm dạng hạt tròn có kích thước 2-4mm, độ ẩm <2%.
- Bao gói: đóng bao PP tráng PE hoặc bao PP, khối lượng 50kg/bao.

### 1.2.2.2. Chất lượng sản phẩm

Công nghệ sản xuất Phân bón Urea hàm lượng cao bằng phương pháp vê viên thùng quay. Phương pháp này sẽ tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt về tính chất vật lý và hàm lượng chất dinh dưỡng trong các hạt Urea.

### 1.2.2.3. Phương án kinh doanh dự kiến

Công ty hiện nay chưa có kinh nghiệm bán hàng về mặt hàng phân bón, chưa có thương hiệu trên thị trường và chưa xây dựng được hệ thống đại lý phân phối sản phẩm... Do đó, định hướng của Công ty là sẽ gia công cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau trong những năm đầu của dự án.

- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau là công ty mẹ đồng thời là nhà cung cấp Urea nên sẽ cung cấp đầu vào nguyên liệu chính cho sản xuất;
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau vốn có thương hiệu trên thị trường phân bón Việt Nam về sản phẩm Urea và Urea Đen;

Sau khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định cũng như căn cứ vào thị trường phân bón, PPC sẽ lên phương án sản xuất kinh doanh nhằm có thể tự sản xuất và phân phối sản phẩm Urea Đen ra thị trường (*dự kiến vào năm thứ 4 của dự án*).



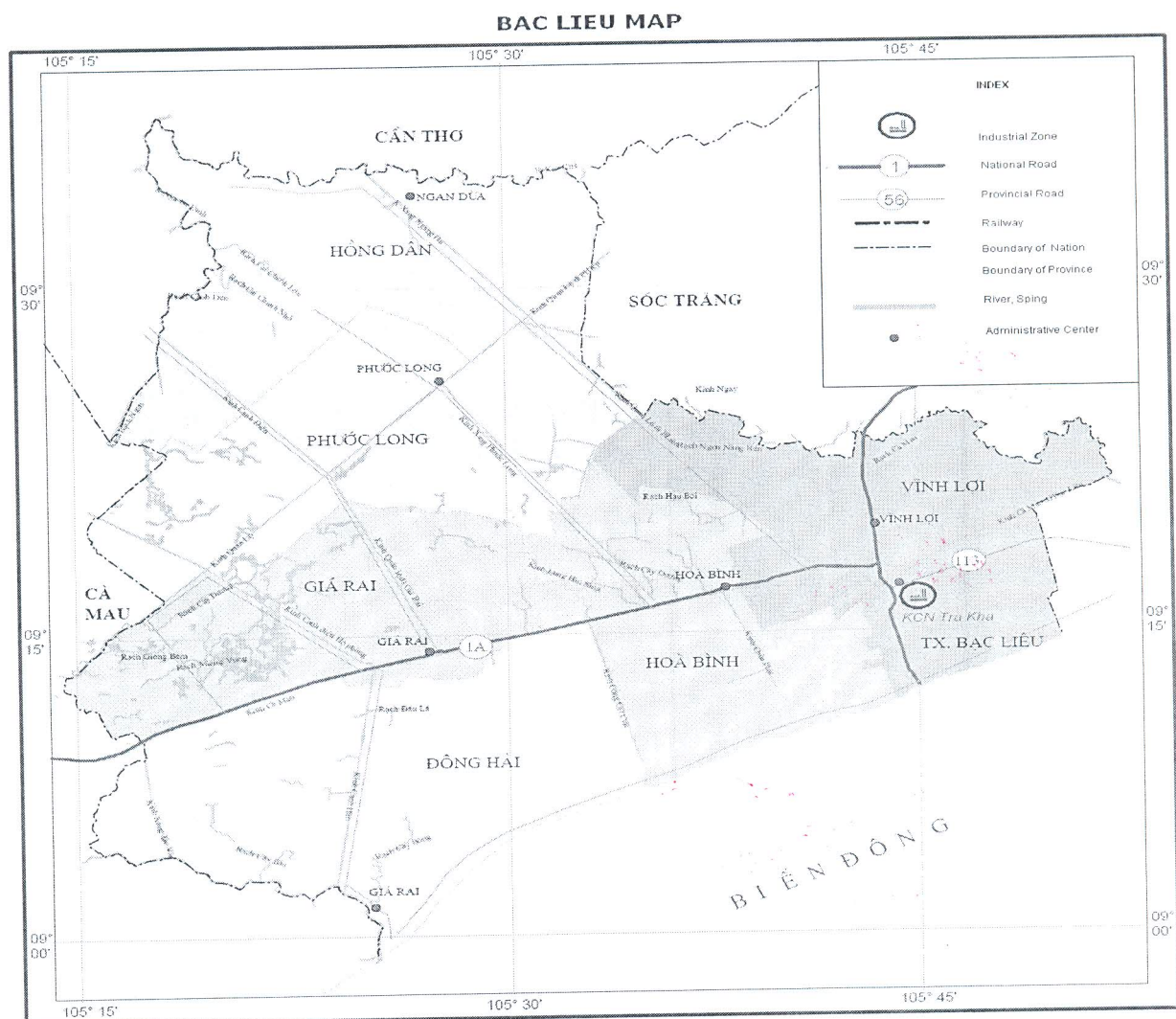
## CHƯƠNG 2. ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

### 2.1. ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

#### 2.1.1. Giới thiệu về địa điểm xây dựng

Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích 20.000 m<sup>2</sup> tại vị trí :

|                            |   |
|----------------------------|---|
| 1. Khu công nghiệp         | Trà Kha   |
| 2. Mô tả:                  | Phường 8 - Thị xã Bạc Liêu                        |
| 3. Khoảng cách đến tp lớn: | Cách trung tâm thị xã Bạc Liêu 3 km               |
| 4. Cảng sông gần nhất:     | 500 mét   |
| 5. Sân bay gần nhất:       | Cách sân bay Cần Thơ 125 km; sân bay Cà Mau 65 km |



Hình 3.1: Vị trí đầu tư dự án

#### 2.1.2. Kết luận

Địa điểm xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu được đặt tại khu vực

sản xuất thuộc Công ty Cổ phần Bao Bì Dầu Khí Việt Nam là hoàn toàn hợp lý với những ưu điểm chủ yếu sau:

- Công ty Bao Bì Dầu Khí Việt Nam có sẵn khu hành chính văn phòng và các công trình phụ trợ khác;
- Công ty có một đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, năng động và công nhân lành nghề với chi phí thấp;
- Không cần thủ tục xin thuê đất;
- Giao thông thuận tiện : Đường bộ, đường sắt khu vực vào tận mặt bằng Công ty, thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm;
- Hệ thống cấp và thải nước không cần đầu tư thêm;
- Tận dụng được nguồn bao bì có sẵn để sản xuất Urea Đen.



### CHƯƠNG 3. CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ - THIẾT KẾ XÂY DỰNG

#### 3.1. CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ

##### 3.1.1.1. Các cơ sở lựa chọn

Việc xây dựng các tiêu chí lựa chọn (và tỷ trọng giữa các tiêu chí) sẽ được thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

- Thông tin thị trường, xu hướng thị trường;
- Thông tin công nghệ, kinh nghiệm áp dụng;
- Chi phí hợp lý, thời gian lắp đặt nhanh chóng.

Từ các cơ sở trên, tư vấn lập ra hệ thống tiêu chí bắt buộc (điều kiện cần thiết thỏa mãn) cho việc lựa chọn công nghệ (để loại bỏ các công nghệ không phù hợp mục tiêu đề ra của dự án) và hệ thống tiêu chí so sánh (để chọn lựa công nghệ sản xuất phù hợp nhất trong số các công nghệ tiềm năng, thỏa mãn điều kiện bắt buộc của dự án).

##### ➤ Tiêu chí bắt buộc

| Tiêu chí                   | Yêu cầu  | Cơ sở                   |
|----------------------------|--|-------------------------|
| Quy mô công suất           | 30 ngàn tấn/năm  | Quy mô công suất dự án  |
| Độ linh hoạt của quá trình | Sản xuất được nhiều chủng loại sản phẩm (Urea đen sản phẩm chính, sản phẩm khác)                         | Thông tin thị trường    |
| Chất lượng sản phẩm        | Có thể sản xuất các sản phẩm có hàm lượng đạm và tổng hàm lượng dưỡng chất cao. N :26-28%, Humic 7 -10 % | Thông tin thị trường    |
| Xu hướng sản phẩm          | Có chứa trung và vi lượng giúp tăng hiệu quả canh tác  | Thông tin thị trường    |
| Điều kiện ứng dụng         | Phương pháp có khả năng áp dụng tại Việt Nam   | Thông tin công nghệ     |
| Mức đầu tư                 | Chi phí hợp lý, thời gian thi công lắp đặt nhanh, hiệu quả   | Tiêu chí của chủ đầu tư |

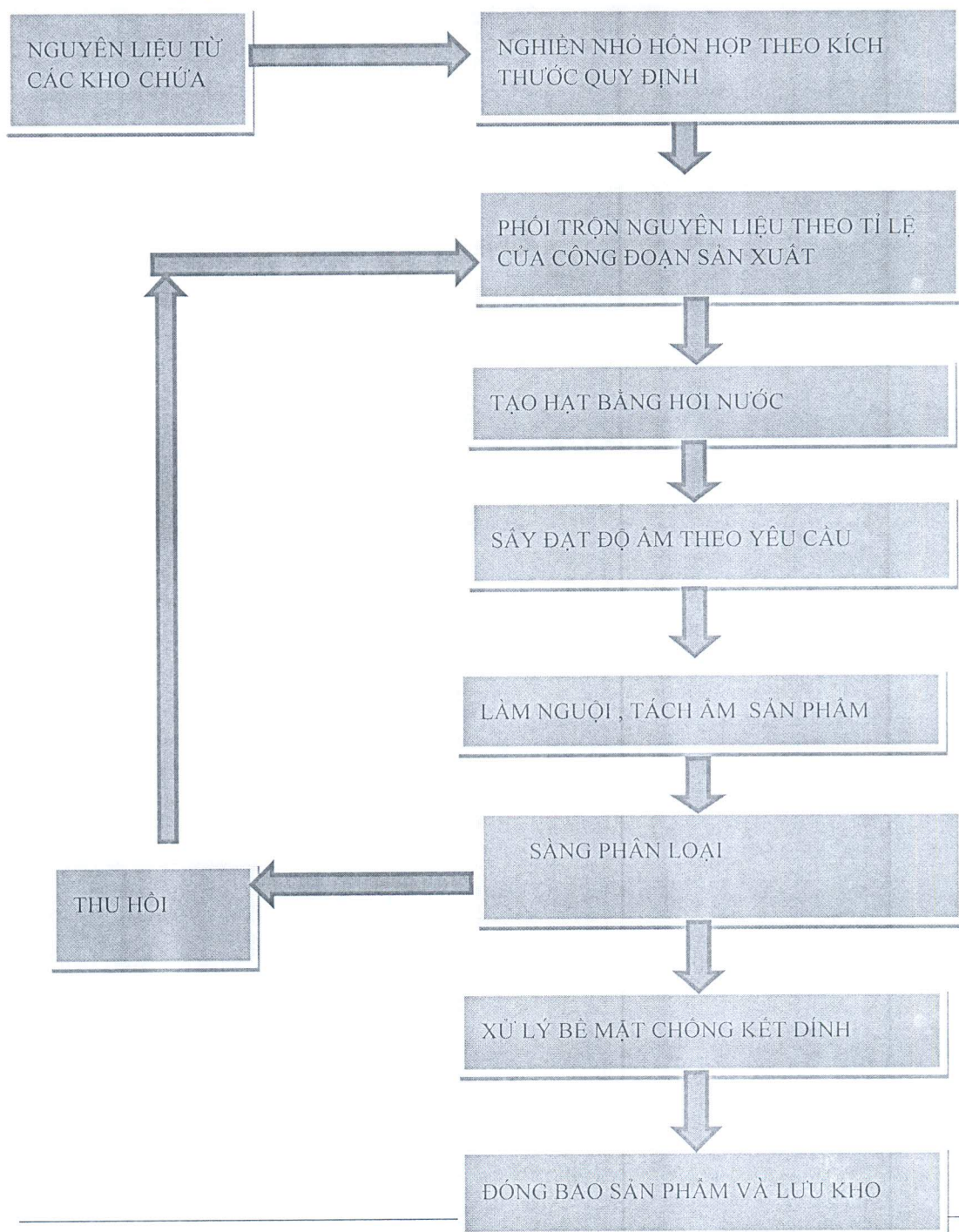
### 3.1.1.2. Đề xuất công nghệ sản xuất

Công nghệ được chọn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dây chuyền sản xuất linh động (quy mô dây chuyền, số lượng sản phẩm);
- Sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, phù hợp xu thế sản phẩm khu vực và nội địa (thị trường mục tiêu);
- Nguyên liệu cung ứng dồi dào (chi phí thấp) và thuận tiện trong vận chuyển;
- Mức đầu tư vừa phải;

### 3.1.1.3. Lựa chọn công nghệ sản xuất

Sau khi so sánh các công nghệ sản xuất, chúng tôi đề xuất áp dụng công nghệ sản xuất Ve viên thùng quay Công suất 5-7 tấn/giờ





### 3.2. PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ SƠ BỘ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự án xây dựng trên khu đất có diện tích 20.000 m<sup>2</sup> nằm trong khuôn viên Khu công nghiệp Trà Kha.

Dựa vào công suất, yêu cầu kỹ thuật của công nghệ, thiết bị, quy mô đầu tư sản xuất được lựa chọn để xem xét và các phương án bố trí lắp đặt thiết bị đối với các dây chuyền sản xuất của các công nghệ ưu tiên, dự án đã xác định được quy mô cụ thể các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 2.1.** Nhu cầu sử dụng đất

| TT | Vị số | Hạng mục xây dựng | Kích thước                  | Ghi chú |
|----|-------|-------------------|-----------------------------|---------|
| 1  | 05'   | Trạm biến áp      | 5x6=30 m <sup>2</sup>       |         |
| 2  | 08'   | Nhà bảo vệ        | 3 x 4 =12m <sup>2</sup>     |         |
| 3  | 09'   | Nhà để xe         | 5x10=50 m <sup>2</sup>      |         |
| 4  | 13    | Nhà sản xuất      | 30 x 78=2340 m <sup>2</sup> |         |
| 5  | 14    | Nhà vệ sinh       | 4x 6=24m <sup>2</sup>       |         |

### 3.3. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

#### 3.3.1. Hình thức đầu tư

- Dự án đề xuất lựa chọn hình thức đầu tư: “Đầu tư xây dựng mới”, Xây dựng hiện đại hoá công nghệ và máy móc thiết bị để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Trong quá trình xây dựng, chủ đầu tư sẽ vận dụng theo các quy định về đầu tư và xây dựng cơ bản, thông qua đấu thầu để chọn các nhà thầu có khả năng, trình độ và pháp nhân hành nghề thực hiện các công việc quản lý dự án, thiết kế, mua sắm vật tư, thiết bị, thi công xây lắp công trình, vận hành chạy thử, nghiệm thu, bàn giao công trình và đưa vào vận hành.

#### 3.3.2. Phân đoạn thực hiện, tiến độ thực hiện

##### 3.3.2.1. Phân đoạn thực hiện

- Toàn bộ dự án sẽ được đầu tư trong một giai đoạn.

##### 3.3.2.2. Tiến độ thực hiện dự án

- Do đặc điểm của dự án, để phù hợp với điều kiện thi công thực tế công trình, cũng như phù hợp với các quy định về đầu tư và quản lý dự án, dự tính kế hoạch đầu tư xây dựng Nhà máy thực hiện trong 10 tháng như sau:

##### ➤ Giai đoạn chuẩn bị đầu tư

- Lập Dự án ĐTXDCT và trình duyệt : 02/ 2016 ÷ 03/ 2016
- Phê duyệt dự án đầu tư và chuẩn bị các thủ tục có liên quan: 04/ 2016

**➤ Giai đoạn thực hiện đầu tư**

- Thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán : Tháng 04 ÷ 05/2016
- Lập, trình và phê duyệt kế hoạch đấu thầu : Tháng 04/2016 ÷ 05/ 2016
- Lập hồ sơ mời thầu và tổ chức đấu thầu : Tháng 05/2016
- Mua sắm, cung cấp, chế tạo thiết bị : Tháng 06 ÷ 07/2016
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình :Tháng 06/2015 ÷ 09/2016
- Chạy thử & nghiệm thu hoàn thành xây lắp :Tháng 10/2016 ÷ 11/2016.



## CHƯƠNG 4. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, HIỆU QUẢ KINH TẾ

### 4.1. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

#### 4.1.1. Xác định tổng mức đầu tư

ĐVT: VNĐ

| TT        | Khoản mục                      | Giá trị trước thuế    | Thuế GTGT            | Giá trị sau thuế      | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Vốn đầu tư cố định</b>      | <b>28.656.443.675</b> | <b>2.856.366.414</b> | <b>31.512.637.193</b> |         |
| 1         | Chi phí xây dựng               | 13.685.707.661        | 1.368.570.766        | 15.054.278.428        |         |
| 2         | Chi phí thiết bị               | 10.175.194.907        | 1.017.519.491        | 11.192.714.398        |         |
| 3         | Chi phí quản lý dự án          | 527.322.537           | 52.732.254           | 580.000.000           |         |
| 4         | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 1.191.184.324         | 119.118.432          | 1.310.000.000         |         |
| 5         | Chi phí khác                   | 471.903.002           | 37.912.347           | 510.000.000           |         |
| 6         | Chi phí dự phòng               | 2.605.131.243         | 260.513.124          | 2.865.644.367         |         |
| <b>II</b> | <b>Vốn lưu động ban đầu</b>    | -                     | -                    | -                     |         |
|           | <b>Tổng mức đầu tư</b>         |                       |                      | <b>31.512.637.193</b> |         |

(Chi tiết xem Phụ lục 1.1 đến Phụ lục 1.4)

### 4.2. HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

#### 4.2.1. Cơ sở tính toán

##### 4.2.1.1. Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư dự án là **31.512.637.193 VNĐ**;

##### 4.2.1.2. Thu xếp nguồn vốn

Vốn của dự án được huy động từ hai nguồn:

- Vốn tự có của Chủ đầu tư chiếm 30% nguồn vốn dự án, lãi suất mong đợi đầu tư là 12%.
- Vốn vay ngân hàng thương mại chiếm 70% nguồn vốn dự án. Lãi suất vốn vay là 8,55% (Thông tư 76/2015/TT-BTC của Bộ tài chính v/v lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước bằng đồng Việt Nam).

##### 4.2.1.3. Phương án vốn PPC

##### ➤ Nguồn vốn đầu tư phát triển của PPC

| STT | Khoản mục                 | Thực hiện năm 2015 |
|-----|---------------------------|--------------------|
| 1   | Tổng doanh thu            | 144.598.919.422    |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế      | 9.941.389.527      |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế        | 8.947.250.575      |
| 4   | Vốn chủ sở hữu, trong đó: | 47.255.233.262     |
| 4.1 | Vốn điều lệ               | 32.650.000.000     |

|     |  |                       |
|-----|--|-----------------------|
| 4.2 | <b>Quỹ đầu tư phát triển tại thời điểm cuối năm 2015</b> | <b>2.433.155.732</b>  |
| 4.3 | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến năm 2015</b>    | <b>12.172.077.530</b> |

➤ **Phương án bổ sung vốn**

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận kế hoạch phân phối lợi nhuận 2015 của Công ty như sau:

- Tỷ lệ chia cổ tức: 9,5%/mệnh giá cổ phiếu .
- Tỷ lệ trích lập các quỹ từ LN sau thuế:
  - Quỹ khen thưởng: 10%
  - Quỹ phúc lợi: 5%
  - Quỹ đầu tư phát triển: 15%

Với tình hình kết quả SXKD năm 2015 thực hiện vượt mức kế hoạch, đồng thời để dự phòng cho việc đầu tư phát triển của Công ty Hội đồng quản trị Công ty đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận như sau:

- Chi cổ tức: 25% mệnh giá bằng cổ phiếu (thay vì 9,5% như KH);
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 25% (thay vì 15% như KH);
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo KH được duyệt.

| STT | Các chỉ tiêu   | Tỷ lệ | Số tiền                 |
|-----|--|-------|-------------------------|
| 1   | Vốn điều lệ  |       | 32.650.000.000 đ        |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế Kế hoạch năm 2015                                 |       | 4.792.412.808 đ         |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế năm 2015  |       | 8.947.250.575 đ         |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 chuyển sang               |       | 3.224.826.955 đ         |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo BCTC đã kiểm toán                   |       | 8.947.250.575 đ         |
| 6   | <b>Lợi nhuận sau thuế năm 2015 dùng để phân phối</b>                 |       | <b>12.172.077.530 đ</b> |
| 7   | Trích lập các quỹ từ LNST năm 2015                                   |       | 3.578.900.230 đ         |
| 7.1 | Quỹ Đầu tư phát triển  | 25%   | 2.236.812.644 đ         |
| 7.2 | Quỹ khen thưởng  | 10%   | 894.725.058 đ           |
| 7.3 | Quỹ phúc lợi   | 5%    | 447.362.529 đ           |
| 8   | <b>Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2015 sau khi trích lập các quỹ</b> |       | <b>8.593.177.300 đ</b>  |
|     | Chia cổ tức  | 25%   | 8.162.500.000 đ         |



|   |  |    |                      |
|---|--|----|----------------------|
|   | Chi khen thưởng vượt KH của Ban quản lý điều hành            | 5% | 207.741.888 đ        |
| 9 | <b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2016</b> |    | <b>222.935.412 đ</b> |

#### 4.2.1.4. Vòng đời dự án

- Vòng đời dự án là 10 năm.

#### 4.2.2. Phân tích hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế - xã hội

Việc đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón dầu khí Bạc Liêu với công suất 30.000 tấn / năm tại Bạc Liêu đem lại các hiệu quả xã hội như sau:

**Bảng 5.1. Đóng góp cho nhà nước qua các sắc thuế**

*ĐVT: VND*

| Hạng mục                          | Giá trị (1000 đ) |
|-----------------------------------|------------------|
| Cả đời dự án                      |                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>2.746.009</b> |

Sau khi dự án hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng, Nhà máy sẽ mang lại cho xã hội những lợi ích như:

- Hàng năm, cung cấp cho xã hội khoảng 30.000 tấn sản phẩm Urea Đen, góp phần không nhỏ vào việc đảm bảo nhu cầu tiêu thụ thị trường trong nước;
- Giải quyết công ăn việc làm ổn định cho khoảng 60 lao động tại địa phương và khu vực;
- Tăng tỉ trọng giá trị nông nghiệp và dịch vụ;
- Tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh Bạc Liêu, góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế, xã hội tại khu vực;
- Thúc đẩy ngành công nghiệp hóa chất tại địa phương phát triển.

## CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 5.1. KẾT LUẬN

- Việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón tại Khu công nghiệp Trà Kha của Công ty cổ phần Bao Bì Dầu Khí Việt Nam là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty cũng như của Nhà nước;
- Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Cải thiện đời sống cho các đối tượng có liên quan;
- Tăng tỉ trọng giá trị công nghiệp và dịch vụ;
- Tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh Bạc Liêu, góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế, xã hội tại khu vực miền Nam Bộ;
- Thúc đẩy ngành công nghiệp hóa chất, sản phẩm tiêu dùng tại địa phương phát triển;

Như vậy đứng về mặt hiệu quả đầu tư của dự án mà đánh giá thì dự án hoàn toàn khả thi cho bản thân dự án cũng như về mặt kinh tế xã hội.

### 5.2. KIẾN NGHỊ

Đây là một dự án có hiệu quả kinh tế, mang lại nhiều lợi ích cho xã hội vì vậy dự án kiến nghị các cơ quan chức năng có thẩm quyền một số vấn đề sau:

- Cho doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi tối đa về thuê đất, sử dụng đất;
- Có chính sách khuyến khích, thu hút nhà đầu tư;
- Đề nghị UBND tỉnh Bạc Liêu sớm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai Dự án.



